

Bản án số: 204/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12/6/2024

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thanh Minh
2. Bà Lê Thị Bích Dung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2024/TLST-HNGĐ ngày 31/01/2024 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2097/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6652/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16/5/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông W, C - Y, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Quốc tịch: Đài Loan (Trung Quốc).

Địa chỉ: Số A, đoạn A, lộ T, khóm H, phường V, khu N, thành phố Đ, Đài Loan.

Bị đơn: Bà Hồ Mỹ Y, sinh năm 2002 (vắng mặt)

Địa chỉ: A T, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2023 và bản tự khai, nguyên đơn – ông W, C - Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Hồ Mỹ Y tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 104 do Ủy ban nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/10/2022. Sau khi kết hôn ông trở về Đài Loan sinh sống, còn bà Y sống tại Việt Nam. Ông có làm thủ tục bảo lãnh bà Mỹ Y Đài Loan để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng khi hoàn thành thủ tục visa thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, bà Y không sang Đài Loan chung sống cùng ông và cũng không liên lạc được với bà Y. Sau đó tình cảm vợ chồng xa cách, không còn quan tâm đến nhau, nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể

hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị được ly hôn với bà Y.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn – bà Hồ Mỹ Y đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Đồng thời bà Y cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của ông W, C – Y.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Ông W, C – Y có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt.

Bị đơn – bà Hồ Mỹ Y đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Ông W, C – Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Hồ Mỹ Y vắng mặt dù đã được tổng đạt hợp lệ nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông W, C – Y:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông W, C – Y được ly hôn với bà Hồ Mỹ Y.

+ Về việc nuôi con: Không có.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

+ Về án phí: Ông W, C – Y phải chịu án phí 300.000 đồng theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Ngày 18/10/2023, ông W, C – Y khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Hồ Mỹ Y. Ông W, C – Y đang cư trú tại Đà Loan, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông W, C – Y có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Hồ Mỹ Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông W, C – Y và bà Hồ Mỹ Y tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 104 do Ủy ban nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/10/2022, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông W, C – Y cho rằng vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thời gian xa cách đã lâu, vợ chồng đã không còn liên lạc với nhau nên hiện nay không còn tình cảm. Về phía bà Y, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết theo đúng thủ tục luật định nhưng bà Y cũng không có văn bản trả lời về yêu cầu xin ly hôn của ông W, C – Y. Do đó, có cơ sở xác định ông W, C – Y và bà Y đã không còn tình cảm với nhau, không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của ông W, C – Y về việc xin ly hôn với bà Y.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông W, C – Y phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông W, C – Y.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông W, C – Y được ly hôn với bà Hồ Mỹ Y.

- Về việc nuôi con: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông **W, C – Y** phải nộp án phí ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0031758 ngày 26/01/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông **W, C – Y** đã nộp đủ án phí.

3. Bà **Hồ Mỹ Y** có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày; Ông **W, C – Y** có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM ;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thanh Bình